



MARKET LENS

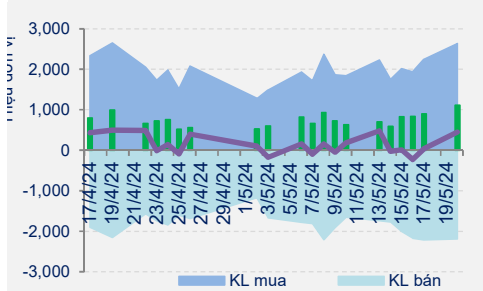
Phiên giao dịch ngày: 20/5/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

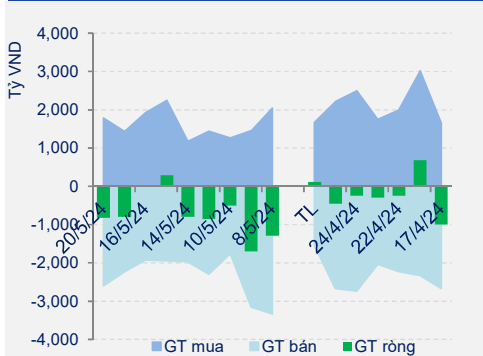
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,277.58	242.57
% Thay đổi	↑ 0.35%	↑ 0.43%
KLGD (CP)	1,104,823,551	109,370,090
GTGD (tỷ đồng)	27,629.26	2,120.50
Tổng cung (CP)	2,186,065,181	170,753,100
Tổng cầu (CP)	2,633,362,496	152,609,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	74,872,085	4,219,943
KL mua (CP)	58,779,336	2,159,654
GT mua (tỷ đồng)	1,780.39	50.67
GT bán (tỷ đồng)	2,601.98	106.13
GT ròng (tỷ đồng)	(821.58)	(55.46)

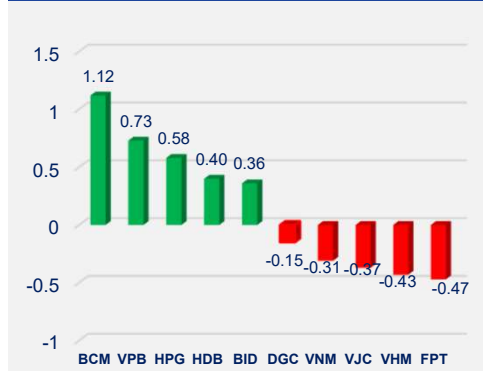
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau tuần tăng giá tích cực và VN30 đã vượt lên đỉnh giá tháng 03/2024, VN-INDEX phiên đầu tuần tạo khoảng trống tăng giá từ đầu phiên lên lại vùng giá cao nhất ngày 15/04/2024. VN-INDEX sau đó chịu áp lực rung lắc điều chỉnh ở kháng cự quanh 1.285 điểm tương ứng giá cao nhất tháng 09/2022 và điều chỉnh nhẹ trở lại. Kết phiên VN-INDEX tăng 4,47 điểm (+0,35%) lên mức 1.277,58 điểm với thanh khoản gia tăng tốt. HNX-INDEX duy trì tích cực tăng 1,02 điểm (+0,42%) lên mức 242,56 điểm, vượt lên giá cao nhất phiên giảm mạnh, với kỳ vọng hướng đến đỉnh giá tháng 03/2024 quanh 245 điểm. Độ rộng thị trường trên 02 sàn giao dịch duy trì tích cực khi có 367 mã tăng (21 mã tăng trần), 265 mã giảm giá (03 mã giảm sàn) và 127 mã giữ giá tham chiếu.

Giá trị khớp lệnh trên hai sàn niêm yết đạt 29.736,79 tỷ đồng được giao dịch, cao nhất trong 01 tháng gần đây, vượt mức trung bình. Cho thấy dòng tiền ngân hàng vẫn đang gia tăng tốt, các vị thế đầu cơ ngắn hạn đang gia tăng trở lại vượt mức trung bình sau giai đoạn giảm mạnh. Khối ngoại bán ròng mạnh trở lại trong phiên đầu tuần trên sàn HOSE với giá trị 820,43 tỷ đồng, tập trung ở các cổ phiếu ngân hàng, bất động sản, thép trong VN30; bán ròng trên HNX với giá trị 55,46 tỷ đồng.

Ngày 20/05/2024 Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV chính thức khai mạc. Theo đó, Quốc hội làm việc trong 26,5 ngày (từ ngày 20/5 đến ngày 28/6/2024; chia làm 2 đợt: đợt 1 từ ngày 20/5 đến 8/6; đợt 2 từ ngày 17/6 đến 28/6). Với công tác lập pháp là nội dung trọng tâm, chiếm gần 2/3 thời gian của Kỳ họp với số lượng 24 dự án luật, dự thảo nghị quyết. Trong đó, Quốc hội sẽ xem xét, thông qua 10 dự án luật; 3 dự thảo nghị quyết quy phạm pháp luật và thảo luận, cho ý kiến lần đầu đối với 11 dự án luật khác.

Sau giai đoạn phục hồi mạnh VN-INDEX quay trở lại vùng giá đầu tháng 04/2024, thị trường đang bắt đầu phân hóa mạnh trong các nhóm ngành, các mã tăng giá mạnh tập trung vào các mã chưa tăng nhiều, có các tin tức hỗ trợ như trong nhóm bất động sản khu công nghiệp với BCM (+6,97%) trước thông tin phê duyệt tỷ lệ vốn Nhà nước nắm giữ tại BCM giảm từ 95,44% vốn điều lệ xuống mức nắm giữ trên 65% vốn điều lệ đến hết năm 2025, còn lại đa số biến động trong biên độ hẹp ở vùng kháng cự mạnh như SIP (+1,88%), SZC (+1,04%)...LHG (-1,13%), DTD (-1,06%), PHR (-0,66%)..

Các cổ phiếu bất động sản cũng có diễn biến rất tích cực khi nhiều mã tăng giá tốt, thanh khoản rất đột biến, vượt lên các vùng đỉnh giá gần nhất như NHA (+6,97%), HDG (+6,93%), QCG (+6,77%), IJC (+4,14%)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản ở mức trung bình TIG (-2,00%), NDN (-1,83%), VHM (-0,98%)...

Thị trường tiếp tục duy trì nhiều mã/nhóm mã có diễn biến tăng giá vượt trội như ở nhóm nông nghiệp, chăn nuôi với SBT (+3,51%), DBC (+3,44%), BAF (+1,81%).. thủy sản ANV (+2,08%), phân bón BFC (+4,38%), LAS (+1,38%).. dệt may với MSH (+3,88%), TNG (+3,54%)... Nhóm cổ phiếu xây dựng, xây lắp điện, vật liệu xây dựng cũng có diễn biến tích cực, thanh khoản gia tăng mạnh ở nhiều mã như NTP (+9,81%) trước thông tin thoái vốn, TV2 (+3,43%), PC1 (+2,35%)... KSB (+3,16%), VCG (+2,20%)... VGS (+2,06%), NKG (+1,61%)...

Trong khi đó các cổ phiếu ngân hàng có diễn biến phân hóa mạnh hơn, tăng mạnh nổi bật với ABB (+5,13%), EIB (+4,23%), HDB (+2,26%), VPB (+2,06%)... thanh khoản vượt mức trung bình, ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản suy giảm như SHB (-1,25%), LPB (-0,86%), STB (-0,70%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2406 tăng 2,2 điểm (+0,17%), chênh lệch âm -2,45 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch giảm 10,92% so với phiên trước, khối lượng mở OI xu hướng tăng. Xu hướng ngắn hạn VN30F2406 tăng trưởng và đang ở quanh vùng giá cao nhất tháng 03/2024 tương ứng 1.307,6 điểm. Các kỳ hạn VN30F2407, VN30F2409, VN30F2412 chênh lệch từ -0,45 điểm đến 5,15 điểm so với VN30. Chênh lệch duy trì tăng dần theo kỳ hạn cho thấy các trader vẫn lạc quan với xu hướng của VN30 khi VN30 đang vượt lên vùng đỉnh giá cao nhất tháng 03/2024.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Tiếp xu hướng tăng điểm tích cực trong tuần trước. Thị trường tiếp tục diễn biến tích cực và VN-INDEX đang tiến gần tới đến vùng kháng cự 1.282 điểm - 1.287 điểm tương ứng với vùng điểm số trước khi giảm mạnh cũng như vùng giá cao nhất tháng 09/2022. Đóng cửa VN-INDEX có 05 phiên liên tiếp tăng điểm, tăng 4,47 điểm (+,35%) lên mức 1.277,58 điểm.

Trong ngắn hạn, thị trường tiếp tục tích cực, thể hiện qua chỉ số VN30 đã vượt lên vùng đỉnh giá quanh 1.305 điểm tháng 03/2024. VN-INDEX cũng vượt lên trên vùng kháng cự mạnh 1.250 điểm để quay trở lại kênh giá 1.250 điểm - 1.300 điểm, với kháng cự gần nhất quanh 1.282 điểm, tương ứng giá cao nhất ngày 15/04/2024. Thị trường đang luân phiên phục hồi với các nhóm mã vốn hóa trung bình, nhỏ với kỳ vọng phục hồi lên lại vùng giá đỉnh tháng 03/2024 tương tự chỉ số VN30 khi VN-INDEX đã vượt lên vùng 1.250 điểm..

Xu hướng trung hạn của VN-INDEX trở lại kênh tích lũy 1.250 điểm - 1.300 điểm sau nhịp giảm điểm mạnh, và phục hồi rất tốt. Việc VN30 đã vượt qua vùng đỉnh giá tháng 03/2024 mở ra triển vọng VN-INDEX có thể vượt lên các vùng kháng cự mạnh, đỉnh giá ngày giảm mạnh 15/04/2024, để hướng đến vùng giá quanh 1.300 điểm, tương ứng vùng giá cao nhất tháng 03/2024, cũng như vùng giá cao nhất tháng 08/2022.

Vn-Index tiếp tục tăng điểm và tiến gần hơn tới khu vực đỉnh gần nhất trước phiên giảm điểm mạnh ngày 15/4/2024 và dự báo sẽ sớm có các diễn biến rung lắc. Diễn biến luân phiên phục hồi tại các nhóm mã vốn hóa trung bình, nhỏ đang mở ra nhiều vị thế ngắn hạn tốt đối với các mã chưa phục hồi nhiều, có vùng giá tương đương, hoặc thấp hơn VN-INDEX tại khu vực 1.250 điểm, phù hợp các vị thế ngắn hạn. Nhà đầu tư ngắn hạn đã giải ngân theo chúng tôi khuyến nghị tiếp tục nắm giữ danh mục và hạn chế mua đuổi. Nhà đầu tư trung - dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục và nên chờ nhịp điều chỉnh nếu muốn giải ngân thêm do mặt bằng giá hiện tại không còn quá hấp dẫn.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 20/5/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
CTD	70.7	59-62	78-80	57	37.1	-9.2%	265.9%	Theo dõi giải ngân
DCM	36.85	33-34	38.5-39	32	15.9	0.3%	51.3%	Theo dõi giải ngân
VEA	38.20	37.5-38.6	46-47	35	8.1	-11.0%	4.5%	Theo dõi giải ngân
BSR	19.90	19-20	26-28	18	7.7	-9.9%	-29.8%	Theo dõi giải ngân
MIG	18.40	18-18.6	21.5-22	17	11.0	-9.5%	12.2%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
16/4/2024	LHG	35.00	32	38-39	34	9.4%	Nắm giữ
16/4/2024	DPM	35.05	32.2	37-38	33	8.9%	Nắm giữ
16/4/2024	PVP	17.20	14.2	18-18.5	16.4	21.1%	Nắm giữ
16/4/2024	DPR	41.00	36.8	43-44	39	11.4%	Nắm giữ
24/4/2024	KBC	31.00	28.75	32-33	30	7.8%	Nắm giữ
24/4/2024	FPT	133.00	114.2	134-136	131	16.5%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ**Thị trường bất động sản phục hồi chậm, triển khai gói vay 120.000 tỉ đồng chưa đạt yêu cầu**

Báo cáo của Chính phủ về tình hình kinh tế xã hội tại phiên khai mạc kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV cho biết trong 4 tháng đầu năm, cả nước có gần 86.400 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, tăng 12,2% so với cùng kỳ. Thị trường bất động sản phục hồi chậm, tiến độ triển khai gói cho vay nhà ở xã hội 120.000 tỉ đồng chưa đạt yêu cầu. Các ngân hàng thương mại đã cam kết tín dụng cho 15 dự án nhà ở xã hội với số tiền cam kết khoảng 7.000 tỉ đồng, song mới giải ngân cho 12 dự án với tổng số tiền 956 tỉ đồng.

Chính phủ đã hoàn thành việc định giá 3 ngân hàng mua bắt buộc và chuyển giao trong năm 2024

Phó Thủ tướng Lê Minh Khái đã báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội tại Kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XV. Tăng trưởng kinh tế tiếp tục phục hồi, các hoạt động kinh tế diễn ra sôi động hơn. Tăng trưởng GDP quý I/ 2024 đạt 5,66%, cao nhất trong giai đoạn 2020 - 2023. Thu ngân sách Nhà nước đạt 43,1% dự toán, tăng 10,1%; kim ngạch xuất khẩu tăng 15%; xuất siêu 8,4 tỷ USD. Nhiều tập đoàn lớn cam kết đầu tư vào Việt Nam trong các ngành điện tử, chip, bán dẫn, năng lượng tái tạo. Về xử lý các dự án tồn đọng, kéo dài, Phó Thủ tướng cho biết, vấn đề này đã được tập trung xử lý, đạt kết quả tích cực, trong đó đã chuẩn bị hồ sơ, điều kiện để xem xét phê duyệt chủ trương chuyển giao bắt buộc các ngân hàng yếu kém, đảm bảo an toàn hệ thống. Hiện Chính phủ đã hoàn thành việc định giá 3 ngân hàng mua bắt buộc và dự kiến trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án chuyển giao bắt buộc trong tháng 5/2024, hoàn thành chuyển giao bắt buộc trong năm 2024.

Giá vàng quốc tế đạt kỷ lục mới nhờ kỳ vọng Fed giảm lãi suất

Giá vàng thế giới tăng mạnh đạt ngưỡng kỷ lục nhờ tâm lý lạc quan của thị trường rằng Fed sẽ bắt đầu giảm lãi suất từ năm nay và căng thẳng địa chính trị leo thang ở khu vực Trung Đông. Giá vàng miếng giao ngay tăng 1,1% lên 2.440,6 USD/ounce trong đầu phiên giao dịch ngày 20/5, vượt mức kỷ lục đã đạt trước đó hồi tháng 4. Trong những phiên gần đây, nhà đầu tư ngày càng kỳ vọng nhiều vào việc Fed sẽ giảm lãi suất trong tháng 9. Nếu kịch bản này xảy ra, giá vàng sẽ được hưởng lợi. Vị thế trú ẩn của kim loại này đã được chú ý vào thứ Hai sau khi máy bay trực thăng chở Tổng thống Iran Ebrahim Raisi đã gặp nạn hôm 19/5. Tin tức này làm tăng thêm cảm giác rủi ro địa chính trị trên toàn khu vực, sau khi một tàu chở dầu đến Trung Quốc bị tên lửa Houthis bắn trúng ở Biển Đỏ hôm 18/5. Giá vàng trong nước tăng nhẹ so với hôm qua. Tại thời điểm 11h30 ngày 20.05, giá vàng SJC bán ra giao dịch ở mức 90,2 triệu đồng/ounce, tăng 400.000 đồng/lượng so với cuối tuần qua. Trong khi đó, giá ở chiều mua vào tăng 1 triệu đồng/lượng lên 88,7 triệu đồng/lượng.

TIN DOANH NGHIỆP**EVN Hà Nội: Doanh thu cao nhưng lãi mỏng, các khoản chi phí tăng mạnh**

EVN Hà Nội đã ghi nhận doanh thu hơn 52.000 tỉ đồng trong năm 2023, tăng 11% so với năm trước, nhưng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ đạt hơn 26 tỉ đồng, rất mỏng so với khoản doanh thu cao ngất ngưỡng. Năm 2023, EVN Hà Nội có khoản doanh thu hoạt động tài chính 206 tỉ đồng, tăng 17% so với năm trước. Phần lớn trong đó là lãi tiền gửi với 195 tỉ đồng, còn lại là các khoản lãi chênh lệch tỉ giá hối đoái, cổ tức, lợi nhuận được chia. Lợi nhuận gộp của EVN Hà Nội năm qua đạt 3.138 tỉ đồng, tăng 19%. Ở chiều ngược lại, các khoản chi phí trong năm 2023 cũng ghi nhận tăng mạnh. Chi phí tài chính ở mức 1.468 tỉ đồng, tăng 27,8%. Phần lớn trong đó là chi phí lãi vay với 1.357 tỉ đồng, tăng 29% so với năm trước; lỗ chênh lệch tỉ giá hối đoái 111 tỉ đồng, tăng 15,6% so với năm trước.

LPBank chào bán 800 triệu cổ phiếu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu

Ngân hàng Nhà nước đã chấp thuận cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (LPBank) tăng vốn điều lệ thêm 8.000 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. LPBank sẽ chào bán 800 triệu cổ phiếu, tương ứng với 31,279% số lượng cổ phiếu đang lưu hành cho cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông được hưởng quyền mua tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phần theo quy định với giá chào bán là 10.000 đồng/cp. Nếu phát hành thành công, vốn điều lệ của ngân hàng dự kiến tăng lên 33.576 tỷ đồng và thời gian chào bán dự kiến trong năm 2024 - 2025 sau khi có sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Với số vốn tăng thêm (8.000 tỷ đồng), ngân hàng sẽ sử dụng để cho vay nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của khách hàng. Cổ phiếu LPB hiện ở mức 23.000 đồng/cp, gấp hơn 2 lần giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Kết quả, EVN Hà Nội báo lãi sau thuế 26,6 tỉ đồng, giảm so với con số 27,5 tỉ đồng năm 2022. Có thể thấy mặc dù doanh thu ở mức rất cao nhưng lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp này ở mức thấp do các khoản chi phí đội lên cao, đặc biệt là giá vốn và chi phí lãi vay.

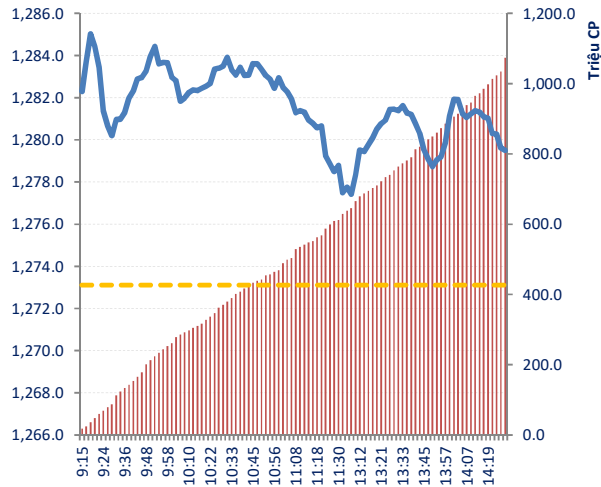
VNDIRECT chốt quyền phát hành thêm 243.5 triệu cổ phiếu

Công ty Chứng khoán VNDIRECT (VND) sẽ phát hành thêm 243.5 triệu cổ phiếu với giá 10,000 đồng/cp. Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm và nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2022 là 30/05. Thời gian đăng ký đặt mua và nộp tiền mua cổ phiếu từ 06 - 26/06/2024. Nếu hoàn tất 100% hai phương án trên, vốn điều lệ của Công ty sẽ tăng lên hơn 15.2 ngàn tỷ đồng và củng cố vị thế "top đầu" vốn điều lệ của nhóm công ty chứng khoán. VND cũng dự kiến phát hành thêm gần 585 triệu cp mới, mục đích nâng vốn điều lệ lên trên 18 ngàn tỷ đồng. Giá cổ phiếu VND trên sàn chứng khoán tăng hơn 15% từ giữa tháng 4 đến nay, giao dịch quanh vùng 22,000 đồng/cp, hơn gấp đôi giá chào bán cho cổ đông.

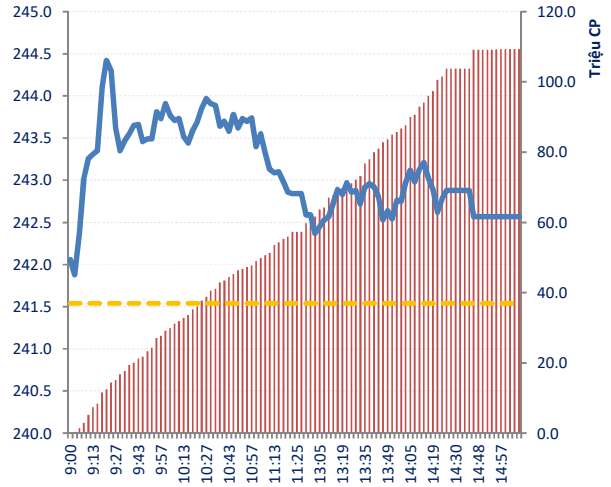


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

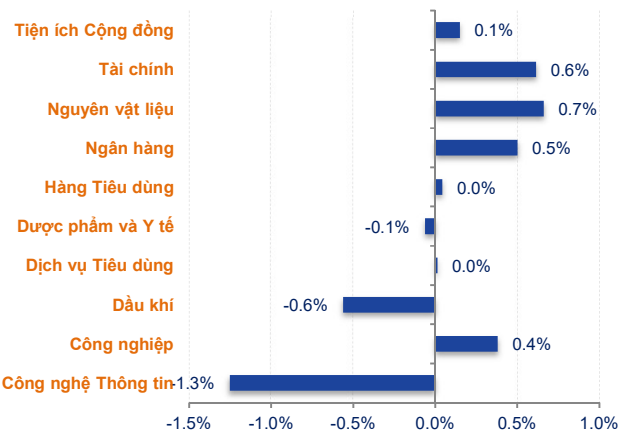
KLGD và VN-Index trong phiên



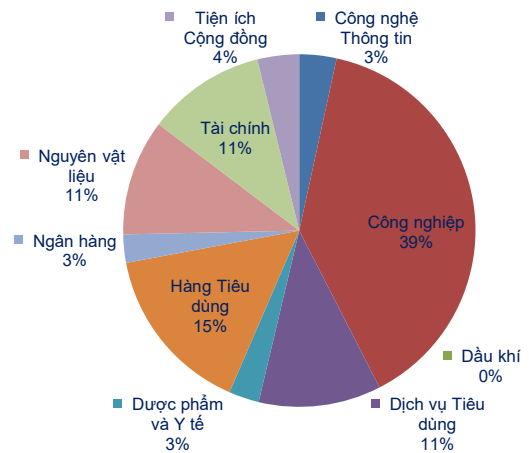
KLGD và HNX-Index trong phiên



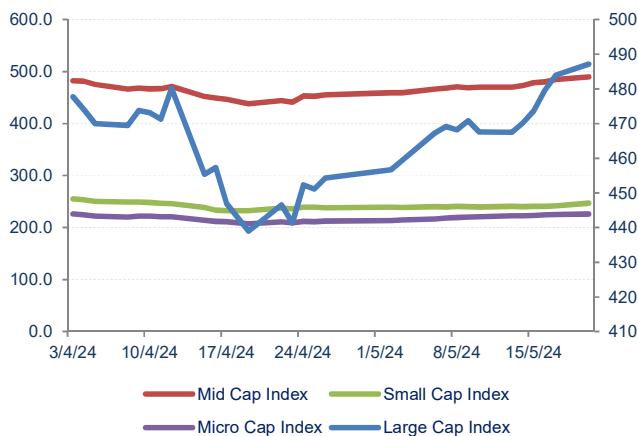
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



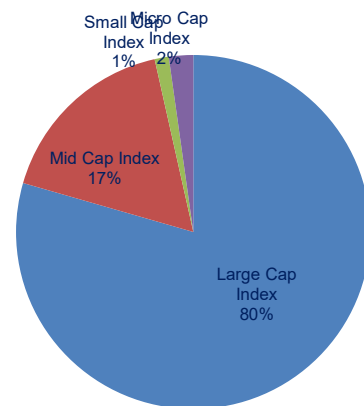
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DBC	4,797,700	VHM	5,035,730	1	HUT	240,800	SHS	1,107,500
2	EIB	2,419,000	VPB	4,578,900	2	MBS	240,100	CEO	855,400
3	HVN	1,733,000	DXS	2,787,308	3	TNG	181,700	BVS	204,700
4	NKG	1,620,800	VNM	2,291,871	4	MST	124,000	IDC	146,000
5	FUEVFNVD	1,289,400	HPG	2,236,260	5	VFS	70,200	VGS	144,923

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	12.00	11.85	↓ -1.25%	73,910,900	SHS	19.60	19.60	→ 0.00%	19,804,746
VPB	19.40	19.80	↑ 2.06%	68,949,957	CEO	19.30	19.20	↓ -0.52%	7,387,088
HPG	31.60	32.00	↑ 1.27%	46,797,106	PVS	45.50	44.70	↓ -1.76%	6,302,895
LPB	23.20	23.00	↓ -0.86%	44,986,300	IDJ	6.30	6.60	↑ 4.76%	5,272,225
EVF	14.85	15.80	↑ 6.40%	43,951,200	DNP	21.00	20.90	↓ -0.48%	4,840,227

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DXS	7.30	7.81	0.51	↑ 6.99%	HGM	50.00	55.00	5.00	↑ 10.00%
BCM	58.80	62.90	4.10	↑ 6.97%	HAT	40.00	44.00	4.00	↑ 10.00%
MIG	17.20	18.40	1.20	↑ 6.98%	API	6.00	6.60	0.60	↑ 10.00%
NHA	25.10	26.85	1.75	↑ 6.97%	HTC	23.20	25.50	2.30	↑ 9.91%
HCD	9.77	10.45	0.68	↑ 6.96%	TKU	16.30	17.90	1.60	↑ 9.82%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SSC	36.00	33.50	-2.50	↓ -6.94%	SMN	13.20	11.90	-1.30	↓ -9.85%
YBM	10.90	10.20	-0.70	↓ -6.42%	ALT	15.90	14.40	-1.50	↓ -9.43%
HVH	6.84	6.42	-0.42	↓ -6.14%	ATS	13.80	12.60	-1.20	↓ -8.70%
SPM	12.35	11.70	-0.65	↓ -5.26%	TXM	6.40	5.90	-0.50	↓ -7.81%
BMC	18.20	17.30	-0.90	↓ -4.95%	NBW	28.40	26.20	-2.20	↓ -7.75%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	73,910,900	15.6%	2,151	5.6	0.8
VPB	68,949,957	8.9%	1,525	12.7	1.1
HPG	46,797,106	9.2%	1,601	19.7	1.7
LPB	44,986,300	21.6%	2,914	8.0	1.6
EVF	43,951,200	5.8%	708	21.0	1.2

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	19,804,746	5.7%	688	28.5	1.5
CEO	7,387,088	2.8%	365	52.9	1.6
PVS	6,302,895	7.1%	1,992	22.8	1.6
IDJ	5,272,225	5.0%	584	10.8	0.5
DNP	4,840,227	1.1%	431	48.8	0.5

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DXS	↑ 7.0%	-1.2%	(171)	-	0.5
BCM	↑ 7.0%	13.3%	2,384	24.7	3.1
MIG	↑ 7.0%	0.0%	-	-	1.4
NHA	↑ 7.0%	4.0%	406	61.8	2.4
HCD	↑ 7.0%	12.9%	1,570	6.2	0.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HGM	↑ 10.0%	33.8%	5,327	9.4	3.6
HAT	↑ 10.0%	35.7%	7,739	5.2	1.8
API	↑ 10.0%	-6.9%	(772)	-	0.5
HTC	↑ 9.9%	15.0%	2,788	8.3	1.2
TKU	↑ 9.8%	-1.3%	(145)	-	1.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DBC	4,797,700	8.9%	1,729	19.3	1.7
EIB	2,419,000	9.0%	1,147	15.5	1.3
HVN	1,733,000	0.0%	(642)	-	-
NKG	1,620,800	5.9%	1,222	20.3	1.2
FUEVFVND	1,289,400	N/A	N/A	N/A	N/A

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	240,800	0.7%	97	178.9	1.4
MBS	240,100	13.0%	1,475	21.6	2.7
TNG	181,700	12.5%	1,981	12.8	1.6
MST	124,000	9.7%	1,112	4.9	0.5
VFS	70,200	7.8%	1,013	19.2	1.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	513,079	20.0%	5,838	15.7	3.0
BID	281,317	18.1%	3,841	12.8	2.2
HPG	183,747	9.2%	1,601	19.7	1.7
VIC	179,139	6.1%	2,307	20.3	1.1
VHM	177,876	12.1%	5,074	8.1	0.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	21,747	7.1%	1,992	22.8	1.6
IDC	20,691	31.7%	5,880	10.7	3.2
SHS	15,938	5.7%	688	28.5	1.5
HUT	15,530	0.7%	97	178.9	1.4
MBS	13,917	13.0%	1,475	21.6	2.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PSH	2.70	-9.6%	(1,295)	-	0.5
KSB	2.44	3.6%	1,008	22.0	1.0
PDR	2.29	7.8%	1,020	25.5	2.1
GEX	2.19	2.5%	625	36.6	0.9
NLG	2.06	3.0%	1,041	42.3	1.3

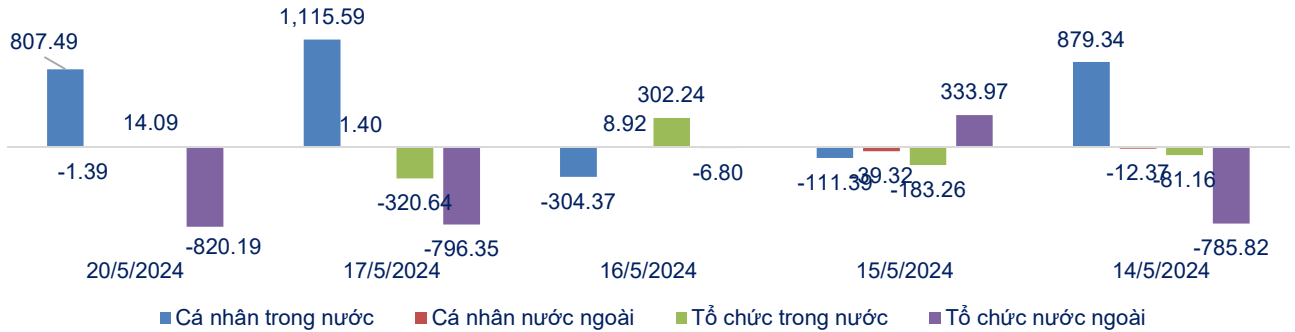
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
MCO	3.68	0.8%	97	225.8	1.7
VGS	2.97	6.0%	1,098	31.0	1.8
HMR	2.90	9.2%	1,214	22.6	2.1
VC7	2.82	5.5%	643	19.4	1.1
VC2	2.79	2.0%	273	34.1	0.7



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	280.91	24.7%	3,832	6.3	1.4
VHM	211.62	12.1%	5,074	8.1	0.9
EVF	183.71	5.8%	708	21.0	1.2
VNM	141.08	26.0%	4,410	15.2	3.9
HPG	104.31	9.2%	1,601	19.7	1.7

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-389.85	8.9%	1,525	12.7	1.1
DBC	-236.81	8.9%	1,729	19.3	1.7
NKG	-46.12	5.9%	1,222	20.3	1.2
EIB	-44.62	9.0%	1,147	15.5	1.3
HVN	-37.95	0.0%	(642)	-	-

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCB	8.21	15.2%	5,606	8.9	1.3
MBB	7.23	21.5%	3,864	6.0	1.2
VSC	6.53	4.4%	988	21.7	1.2
SSI	5.89	11.1%	1,703	21.4	2.3
TCM	2.49	7.0%	1,505	29.9	2.0

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	-11.30	15.6%	2,057	10.6	1.6
FRT	-4.44	-17.1%	(2,215)	-	12.7
HCM	-2.97	10.0%	1,512	19.5	2.0
NKG	-2.70	5.9%	1,222	20.3	1.2
VJC	-2.35	4.9%	1,404	83.6	4.0

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	480.26	8.9%	1,525	12.7	1.1
DBC	71.72	8.9%	1,729	19.3	1.7
MWG	57.03	4.4%	717	83.1	3.3
GEX	27.47	2.5%	625	36.6	0.9
TCB	25.12	15.2%	5,606	8.9	1.3

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	-275.52	24.7%	3,832	6.3	1.4
EVF	-173.01	5.8%	708	21.0	1.2
MBB	-70.64	21.5%	3,864	6.0	1.2
PC1	-45.52	2.8%	651	42.5	1.2
FUEVFVND	-40.97	N/A	N/A	N/A	N/A

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DBC	164.64	8.9%	1,729	19.3	1.7
EIB	44.77	9.0%	1,147	15.5	1.3
NKG	43.25	5.9%	1,222	20.3	1.2
FUEVFVND	41.23	N/A	N/A	N/A	N/A
HVN	38.89	0.0%	(642)	-	-

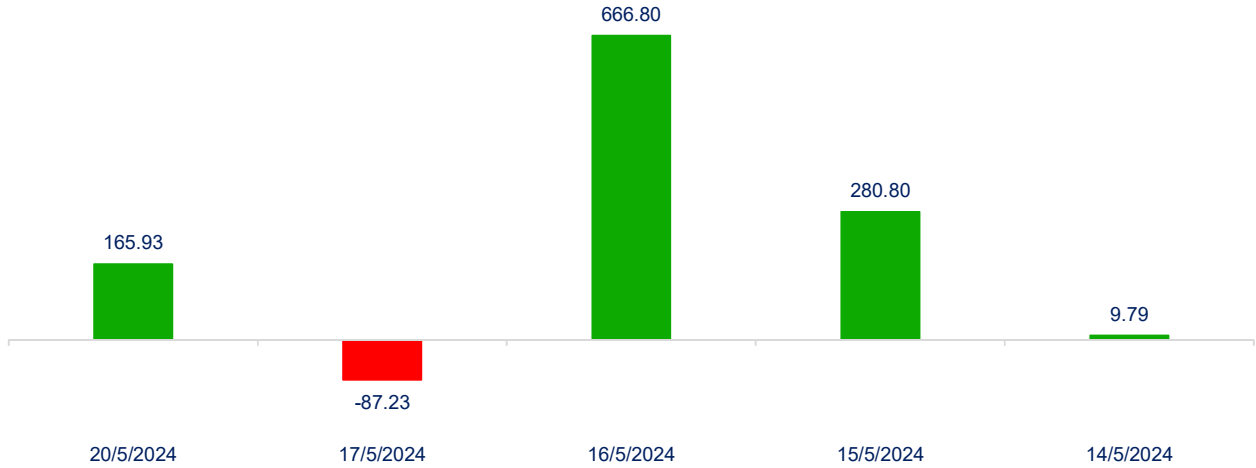
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-206.16	12.1%	5,074	8.1	0.9
VNM	-152.04	26.0%	4,410	15.2	3.9
MWG	-106.24	4.4%	717	83.1	3.3
VPB	-90.19	8.9%	1,525	12.7	1.1
HPG	-71.49	9.2%	1,601	19.7	1.7

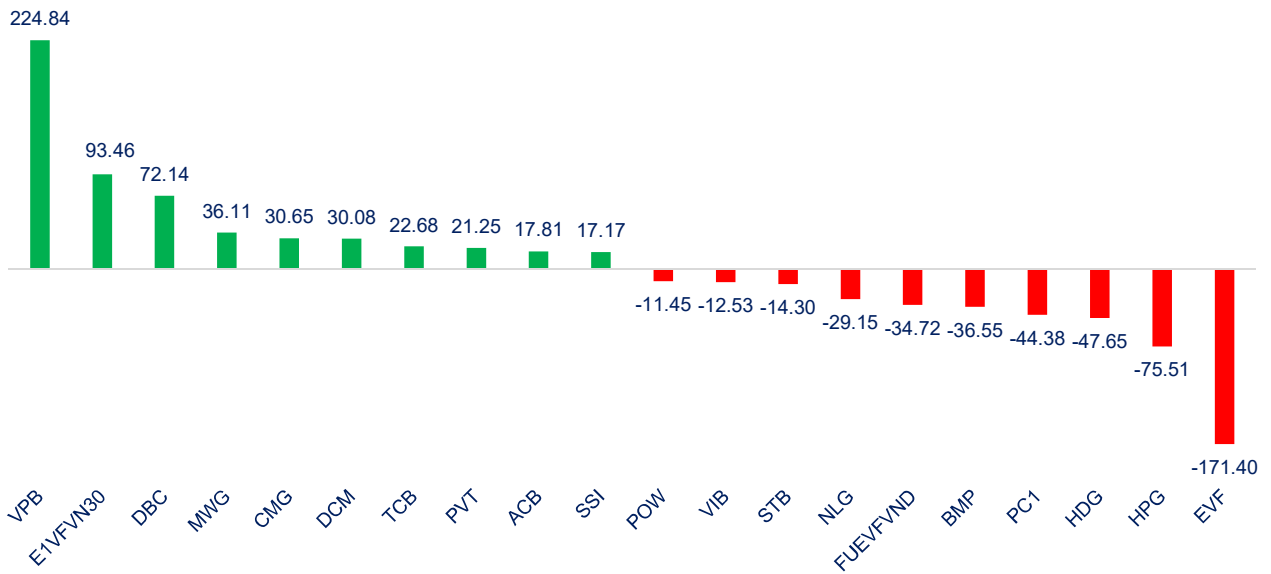


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn